**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |  |
| **1** | **Giới thiệu chung về trồng trọt** | Giới thiệu về trồng trọt | 2 | 1.5 |  |  |  |  |  |  | 7 |  | 7,5 | **17,5** |
| Cây trồng và các yếu tố chính trong trồng trọt | 2 | 1.5 | 3 | 4,5 |  |  |  |  |
| **2** | **Đất trồng** | Giới thiệu về đất trồng | 2 | 1.5 |  |  |  |  |  |  | 5 |  | 5,25 | **12,5** |
| Sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất trồng |  |  | 2 | 3 |  |  |  |  |
| Giá thể trồng cây | 1 | 0.75 |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Phân bón** | Giới thiệu về phân bón | 2 | 1.5 | 1 | 1.5 |  |  |  |  | 8 | 1 | 14 | **30** |
| Sử dụng và bảo vệ phân bón | 1 | 0.75 | 2 | 3 |  |  | 1 | 5 |
| Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón | 1 | 0.75 | 1 | 1,5 |  |  |  |  |
| **4** | **Công nghệ giống cây trồng** | Khái niệm, vai trò của giống cây trồng | 2 | 1.5 |  |  |  |  |  |  | 8 | 1 | 18.25 | **40** |
| Một số phương pháp chọn tạo giống cây trồng | 2 | 1.5 | 2 | 3 | 1 | 10 |  |  |
|  | Nhân giống cây trồng | 1 | 0.75 | 1 | 1.5 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **16** | **12** | **12** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **28** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | **40** | **30** | **20** | **10** |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung %)** | **70** | **30** |  |  |  |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

b) Đặc tả

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị** **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng** **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Giới thiệu chung về trồng trọt** | **Giới thiệu về trồng trọt** | **Nhận biết:**- Nêu đ­ược vai trò và triển vọng của trồng trọt trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 | 2 |  |  |  |
| **Cây trồng và các yếu tố chính trong trồng trọt** | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm giống cây trồng, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng.**Thông hiểu:**- Phân loại được giống cây trồng theo nguồn gốc đặc tính sinh vật học, mục đích sử dụng cây trồng | 2 | 3 |  |  |
| **2** | **Đất trồng** | **Giới thiệu về đất trồng** | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm đất trồng- Trình bày được các thành phần và vai trò cơ bản của đất trồng.**Thông hiểu:**- Phân biệt được keo đất âm và keo đất dương- Phân tích được thành phần cơ giới của đất | 2 |  |  |  |
| **Sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất trồng** | **Nhận biết:**- Kể tên các phương pháp sử dụng và bảo vệ đất trồng- Trình bày được một số biện pháp cải tạo đất chua, đất mặn đất xám bạc màu**Thông hiểu:**- Giải thích được vai trò của mỗi bước trong quy trình cải tạo đất trồng |  | 2 |  |  |
| **Giá thể trồng cây** | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm giá thể trồng cây - Nêu được lợi ích của giá thể trồng cây.**Thông hiểu:**- So sánh ưu nhược điểm của giá thể than bùn và giá thể mùn cưa- Trình bày đặc điểm chung các bước sản xuất giá thể hữu cơ tự nhiên. | 1 |  |  |  |
| **3** | **Phân bón** | **Giới thiệu về phân bón** | **Nhận biết:**- Khái niệm phân bón, vai trò của phân bón trong trồng trọt**Thông hiểu:**- Tóm tắt được đặc điểm cơ bản của một số phân bón phổ biến | 2 | 1 |  |  |
| **Sử dụng và bảo vệ phân bón** | **Nhận biết:*** Nêu cơ sở khoa học của các biện pháp sử dụng một số loại phân bón

**Thông hiểu:** * So sánh các biện pháp sử dụng, bảo quản phân bón hóa học, phân bón hữu cơ và phân bón vi sinh

**Vận dụng:** * Vận dụng cách sử dụng, bảo quản phân bón tại địa phương
 | 1  | 2 |  | 1 |
| **Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón** | **Nhận biết:*** Nhận biết được các loại phân bón vi sinh

**Thông hiểu:** * Phân biệt các loại phân bón vi sinh
 | 1 | 1 |  |  |
| **4** | **Công nghệ giống cây trồng** | **Khái niệm, vai trò của giống cây trồng** | **Nhận biết:*** Khái niệm về giống cây trồng
* Vai trò của giống cây trồng
 | 2 |  |  |  |
| **Một số phương pháp chọn tạo giống cây trồng** | **Nhận biết:*** Kể tên các phương pháp chọn giống cây trồng
* Mô tả phương pháp lai và pp gây đột biến
* Nêu được thành tựu công tác giống cây trồng ở Việt Nam và thế giới

**Thông hiểu:** * So sánh các bước tạo giống thuần và UTL
 | 2 | 2 |  |  |
| **Nhân giống cây trồng** | **Nhận biết:*** Mô tả phương pháp nhân giống vô tính và hữu tính

**Thông hiểu:** * Phân biệt được các phương pháp ghép

**Vận dụng:**Vận dụng các phương pháp nhân giống cây trồng tại địa phương | 1 | 1 | 1 |  |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **1** | **1** |

#### c) Hướng dẫn ra đề kiểm tra theo ma trận và đặc tả

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị** **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng** **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Giới thiệu chung về trồng trọt** | **Giới thiệu về trồng trọt** | **Nhận biết:**- Nêu đ­ược vai trò và triển vọng của trồng trọt trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 | 2(C1,2) |  |  |  |
| **Cây trồng và các yếu tố chính trong trồng trọt** | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm giống cây trồng, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng.**Thông hiểu:**- Phân loại được giống cây trồng theo nguồn gốc đặc tính sinh vật học, mục đích sử dụng cây trồng | 2(C3,4) | 3(C5,6,7) |  |  |
| **2** | **Đất trồng** | **Giới thiệu về đất trồng** | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm đất trồng- Trình bày được các thành phần và vai trò cơ bản của đất trồng.**Thông hiểu:**- Phân biệt được keo đất âm và keo đất dương- Phân tích được thành phần cơ giới của đất | 2(C8,9) |  |  |  |
| **Sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất trồng** | **Nhận biết:**- Kể tên các phương pháp sử dụng và bảo vệ đất trồng- Trình bày được một số biện pháp cải tạo đất chua, đất mặn đất xám bạc màu**Thông hiểu:**- Giải thích được vai trò của mỗi bước trong quy trình cải tạo đất trồng |  | 2(C10,11) |  |  |
| **Giá thể trồng cây** | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm giá thể trồng cây - Nêu được lợi ích của giá thể trồng cây.**Thông hiểu:**- So sánh ưu nhược điểm của giá thể than bùn và giá thể mùn cưa- Trình bày đặc điểm chung các bước sản xuất giá thể hữu cơ tự nhiên. | 1(C12) |  |  |  |
| **3** | **Phân bón** | **Giới thiệu về phân bón** | **Nhận biết:**- Khái niệm phân bón, vai trò của phân bón trong trồng trọt**Thông hiểu:**- Tóm tắt được đặc điểm cơ bản của một số phân bón phổ biến | 2( C13,14) | 1(C15) |  |  |
| **Sử dụng và bảo vệ phân bón** | **Nhận biết:*** Nêu cơ sở khoa học của các biện pháp sử dụng một số loại phân bón

**Thông hiểu:** * So sánh các biện pháp sử dụng, bảo quản phân bón hóa học, phân bón hữu cơ và phân bón vi sinh

**Vận dụng:** Vận dụng cách sử dụng, bảo quản phân bón tại địa phương  | 1(C16)  | 2(C17,18) |  | 1(C2) |
| **Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón** | **Nhận biết:*** Nhận biết được các loại phân bón vi sinh

**Thông hiểu:** * Phân biệt các loại phân bón vi sinh
 | 1(C19) | 1(C20) |  |  |
| **4** | **Công nghệ giống cây trồng** | **Khái niệm, vai trò của giống cây trồng** | **Nhận biết:*** Khái niệm về giống cây trồng
* Vai trò giống cây trồng
 | 2(C21,22) |  |  |  |
| **Một số phương pháp chọn tạo giống cây trồng** | **Nhận biết:*** Kể tên các phương pháp chọn giống cây trồng
* Mô tả phương pháp lai và pp gây đột biến
* Nêu được thành tựu công tác giống cây trồng ở Việt Nam và thế giới

**Thông hiểu:** So sánh các bước tạo giống thuần và UTL | 2(C23,24) | 2(C25,26) |  |  |
| **Nhân giống cây trồng** | **Nhận biết:*** Mô tả phương pháp nhân giống vô tính và hữu tính

**Thông hiểu:** * Phân biệt được các phương pháp ghép

**Vận dụng:**Vận dụng các phương pháp nhân giống cây trồng tại địa phương | 1(C27) | 1(C28) | 1(C1) |  |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **1** | **1** |

|  |  |
| --- | --- |
| ĐỀ CHÍNH THỨC | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 – 2023****Môn: Công nghệ - Lớp 10** *Thời gian làm bài*: 45 phút *không tính thời gian phát đề* |

Họ và tên học sinh: .........................................................................

Lớp:..............

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm )**

**Câu 10:**  **Sử dụng đất cần đảm bảo yếu tố nào sau đây?**

A. Chọn cây trồng phù hợp với từng loại đất

B. Kết hợp sử dụng đất và cải tạo đất

C. Canh tác bền vững

D. Trồng cây phù hợp, kết hợp cải tạo đất và canh tác bềnh vững

**Câu 11: Để cải tạo đất chua, người ta sử dụng biện pháp nào là chủ yếu?**

A. Biện pháp bón vôi

B. Biện pháp thủy lợi

C. Biện pháp canh tác

D. Trồng cây phù hợp với đất chua

**Câu 12:** Có mấy nhóm giá thể chính?

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 13: Chức năng chính của phân bón là:**

A. Cung cấp chất dinh dưỡng

B. Cải tạo đất

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 14: Khái niệm phân bón hóa học:**

A. Là loại phân bón được sản xuất theo quy trình công nghiệp, Sản xuất theo có sử dụng một số nguyên liệu tự nhiên hoặc tổng hợp, có chứa 2 hoặc nhiều nguyên tố dinh dưỡng gômg loại chính đạm, lân, kali.

B. Là các chất hữu cơ được vùi vào đất, dùng trong nông nghiệp nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng và cải tạo đất.

C. Là loại phân bón có chứa một hoặc nhiều chủng vi sinh vật sống.

D. Là phân sản xuất công nghiệp, có chứa chủng vi sinh vật sống, có khả năng cải tạo đất

**Câu 15: Trong các loại phân sau, loại phân nào đễ gây chua cho đất?**

A. Phân hữu cơ B. Phân hóa học

C. Phân vi sinh D. Hữu cơ, phân hóa học, phân vi sinh.

**Câu 16: Phân nào sử dụng chủ yếu để bón lót cho cây trồng:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đạm | B. Lân |
| C. Kali | D. Đạm, Lân, Kali |

**Câu 17: Phương pháp ủ, bảo quản để đống, thoáng khí, phân giải trong điều kiện hiếu khí là phương pháo bảo quản nào sau đây?**

A. Ủ nóng B. Ủ nguội

C. Ủ hỗn hợp D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 18: Phân vi sinh có đặc điểm nào sau đây?:**

A. Chủ yếu chứa vi sinh vật B. Chủ yếu chứa đạm

C. Chủ yếu chứa lân D. Chủ yếu chứa kali

**Câu 19: Đâu là phân bón vi sinh sử dụng trong trồng trọt?**

A. Phân bón vi sinh cố định đạm B. Phân bón vi sinh chuyển hóa lân

C. Phân bón vi sinh phân giải chất hữu cơ D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 20: Tác dụng chính của phân vi sinh là:**

A. Cung cấp chủ yếu đạm cho cây trồng B. Cung cấp chủ yếu lân cho cây trồng

C. Cung cấp chủ yếu chất xơ cho cây trồng D. Phân giải các chất khó tan thành dễ tan cây dễ hấp thụ.

**Câu 21: Giống cây trồng tốt không có tiêu chí nào?**

A. Năng suất cao, phẩm chất tốt B. Khả năng kháng sâu bệnh cao

C. Khó thích nghi với môi trường D. Dễ thích nghi với môi trường

**Câu 22: Vai trò của giống cây trồng là gì?**

A. Tăng năng suất và chất lượng của giống

B. Tăng năng suất cây trồng

C. Tăng chất lượng giống cây trồng

D. Tăng khả năng thích nghi với tất cả các loại môi trường sống

**Câu 23: Có mấy phương pháp chọn lọc giống cây trồng?**

A. 1       B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 24: Chọn lọc hỗn hợp gồm mấy bướ?:**

A. 2 B. 3 C. 4 D . 5

**Câu 25: Đời F1 của lai hai giống có đặc điểm là:**

A. Mang 100% đặc điểm di truyền hoàn toàn mẹ

B. Mang 100% đặc điểm di truyền hoàn toàn bố

C. Mang 50% đặc điểm di truyền của bố và 50% đặc điểm di truyền của mẹ

 D. Không mang đặc tính di truyền của bố và mẹ

**Câu 26: Tạo giống bằng công nghệ gen là:**

A. Chiết cành B. Ghép

C. Nuôi cấy mô tế bào D. Cả 3 phương án trên

**Câu 27: Nhân giống hữu tính gồm có mấy bước:**

A. 1       B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 28: Trong các cách nhân giống sau, cách nào là nhân giống vô tính?**

A. Ghép cành, gieo hạt B. Gieo hạt, chiết cành

C. Chiết cành, ghép cành D. Nuôi cấy mô và gieo hạt

**II. Phần tự luận (3 điểm)**

**Câu 1**: **(2 điểm)**

Thế nào là nhân giống vô tính? Kể tên các phương pháp nhân giống vô tính? Địa phương em thường áp dụng nhân giống vô tính theo phương pháp pháp nào? Ưu, nhược điểm của phương pháp đó?

**Câu 2: ( 1 điểm)**

Cây trồng hấp thụ phân bón hóa học bằng những con đường nào? Liên hệ cách bón phân hóa học cho cây ăn quả tại địa phương?

|  |  |
| --- | --- |
| ĐỀ CHÍNH THỨC | **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM****ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 – 2023****Môn thi: CÔNG NGHỆ 10**  |

**I. Phần trắc nghiệm: 0,25 điểm/câu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| **Đ.Án** | B | A | D | C | C | B | A | C | C | D | A | A | A | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| **Đ.Án** | B | B | A | A | D | D | C | A | B | B | C | C | D | B |

**II. Phần tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1****(2 điểm)** | * **Nhân giống vô tính:** Là phương pháp nhân giống mà cây con được hình thành từ 1 bộ phận cơ quan sinh dưỡng(thân, rễ, lá) của cây mẹ
* **Các phương pháp nhân giống vô tính:** Giâm, chiết, ghép, nuôi cấy mô tế bào
* **Phương pháp nhân giống vô tính mà địa phương thường dùng là:** Giâm, chiết, ghép

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, ít tốn kém, tỉ lệ sống cao, nhanh ra hoa kết quả. Nhược điểm: Cây trồng nhanh thoái hóa  |  |
| **Câu 2****( 1 điểm)** | * **Cây trồng hấp thụ phân bón hóa học bằng những con đường:** Rễ, thân, lá
* **Cách bón phân hóa học cho cây ăn quả tại địa phương:**

+ Dùng bón lót (NPK bón lót)+ Bón xung quanh tán cây |  |